TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 239/2019/QĐST - HNGĐ

T , ngày 19 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 168/2019/ TLST- HNGĐ ngày 26/6/2019

Giữa: - Nguyên đơn: Chị Mai Thị O ; Sinh năm: 1982

- Bị đơn: Anh Trịnh Khắc K ; sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn 2 xã B , huyện T , tỉnh T .

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chi nhánh ngân hàng NN&PTNT huyện T

Địa chỉ: Khu 1 thị trấn T , huyện T , tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc L , chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn N , chức vụ : Phó giám đốc

+ Chị Phạm Thị H , sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn T 1 xã B , huyện T , tỉnh T .

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, b, đ khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/10/2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mai Thị O và anh Trịnh Khắc K

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Mai Thị O và anh Trịnh Khắc K đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

- Cháu Trịnh Thiên P , sinh ngày 06/6/2005

- Cháu Trịnh Mai Q , sinh ngày 10/7/2013.

- Cháu Trịnh Hồng Q , sinh ngày 10/7/2013

Hiện nay cháu P đang ở với anh K , còn hai cháu Mai Q và Hồng Q đang ở với chị O.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận:

Chị Mai Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Trịnh Mai Q , sinh ngày 10/7/2013 và cháu Trịnh Hồng Q , sinh ngày 10/7/2013.

Anh Trịnh Khắc K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trịnh Thiên P , sinh ngày 06/6/2005.

Anh Trịnh Khắc K cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Trịnh Hồng Q n, sinh ngày 10/7/2013 mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung thành niên.

* Về tài sản chung: Hai anh chị thống nhất thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng như biên bản xác minh và định giá tài sản ngày 03/10/2019.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận:

Chị Mai Thị O được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4 xây tường lợp ngói, diện tích 70,18m2, trị giá 14.527.000đ;

- 01 nhà dưới, diện tích 33m2, trị giá 2.520.000đ

- Công trình phụ gồm nhà tắm, nhà vệ sinh, chuồng trại trị giá 12.550.000.000đ.

Chị Mai Thị O được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 1878, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Thôn 2 xã Bắc Lương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Diện tích đất 755m2. Trị giá 377.500.000đ(Ba trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

Tổng trị giá tài sản 407.097.000đ(Bốn trăm lẻ bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn).

Chị Mai Thị O giao lại cho anh Trịnh Khắc K ½ tài sản giá trị bằng tiền là 160.000.000đ(Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

Các bên tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Phần vay nợ gồm: Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Chị Mai Thị O chịu trách nhiệm trả nợ gồm:

- Trả cho chị Phạm Thị H số tiền gốc là 27.500.000đ, số tiền lãi là 10.800.000đ, tổng = 38.300.000đ(Ba mươi tám triệu ba trăm ngìn đồng chẵn);

- Trả nợ cho Chi nhánh ngân hàng NN&PTNT huyện Thọ Xuân gồm: Tiền gốc là 68.000.000đ; Tiền lãi (Tính đến ngày 11/10/2019) là 462.774đ, tổng = 68.462.774đ(Sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu hai nghìn bảy trăm bảy tư đồng). Tiếp tục trả lãi theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo(12/10/2019) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

*. Về án phí và chi phí tố tụng: Hai anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị O chịu án phí DSST là 150.000đ và án phí DSST có giá ngạch là 3.508.000đ , tổng = 3.658.000đ nhưng được trừ vào số tiền 6.812.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0004646 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T . Chị O được nhận lại số tiền 3.154.000đ; Anh K chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ và án phí DSST có giá ngạch là 4.000.000đ, tổng là 4.150.000đ; Chị O chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã B , huyện T , tỉnh T
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng